

Bản án số:03/2017/KDTM – ST
Ngày: 17-8-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Trọng Vũ
2. Ông Nguyễn Ngọc Chân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Loan – Thư ký toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/ 2017/TLST-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N- chi nhánh Tx.Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Thanh H – Giám đốc, người được ủy quyền: Ông Trương Văn V– Phó giám đốc; địa chỉ: Số 10 đường H, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Ông V có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972. Cùng cư trú tại: Thôn P, xã XT, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Ông C có mặt, bà Q được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trương Văn V trình bày:*

Ngày 28 tháng 8 năm 2012, Ngân hàng N - Chi nhánh Tx.Sông Cầu, tỉnh Phú Yên cho Vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Q vay của số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), theo hợp đồng tín dụng số LAV-201202961 ký ngày 28/08/2012, phương thức cho vay từng lần.

Lãi suất được quy định tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng đã ký kết: 14,5%/ năm, trường hợp lãi suất cơ bản do Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định có thay đổi,

bên A sẽ thoả thuận lại với bên B để điều chỉnh lãi suất vay phù hợp với quy định của Tổng giám đốc Ngân hàng N; lãi suất nợ quá hạn: khi đến kỳ hạn trả nợ hoặc kết thúc thời hạn cho vay, nếu bên B không có khả năng trả nợ đúng hạn gốc và hoặc lãi và không được chấp thuận cho cơ cấu lại nợ gốc và hoặc lãi thì bên A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng sang B nợ quá hạn và bên B phải chịu lãi suất nợ quá hạn tối đa bằng 150% so với lãi suất vay đã thoả thuận. Phương pháp trả lãi tiền vay theo định kỳ 12 tháng. Thời hạn vay 12 tháng để sử dụng mục đích nuôi tôm hùm, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22/8/2016.

Tài sản vợ chồng ông C, bà Q thế chấp để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng này là quyền sử dụng đất đối với diện tích 272m² đất thuộc thửa số 71 tờ bản đồ số 24-ĐC tọa lạc tại: Thôn P, xã XT, thị xã S, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 769671 do UBND thị xã S cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Q ngày 12/10/2009 theo hợp đồng thế chấp tài sản số LCP 201202013 ngày 28/08/2012; và 01 chiếc xe tải thùng kín, nhãn hiệu KIA, số máy: J2539515, số khung RNHKCA252AC059033, BKS 78K-8594 theo Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản số: 201202013 ký ngày 28/8/2012.

Ngân hàng N- Chi nhánh thị xã S đã giải ngân số tiền 500.000.000 đồng như đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng bằng các giấy nhận nợ cụ thể: vào các ngày 28/8/2012 giải ngân 150.000.000 đồng, ngày 03/9/2012 giải ngân 350.000.000 đồng. Ngân hàng đã tiến hành cơ cấu lại nợ để tạo điều kiện cho vợ chồng ông C, bà Q nhưng ông, bà không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng N - chi nhánh thị xã S yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Q phải trả số toàn bộ số tiền vay gốc là: 450.000.000 đồng, tiền lãi suất tính đến ngày 17/8/2017 là: 340.617.000 đồng, tổng cộng: 790.617.000 đồng, đồng thời tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán hết nợ gốc trong cho Ngân hàng. Nếu ông C và bà Q không đồng ý trả, thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

** Bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Q được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai; theo biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2017 và theo biên bản hoà giải không thành ngày 12/7/2017 và tại phiên toà ông Nguyễn Văn C đã trình bày:*

Ông Nguyễn Văn C khẳng định vợ chồng ông có vay của Ngân hàng N - chi nhánh thị xã S, tỉnh Phú Yên theo hợp đồng tín dụng số LAV-201202961 ký ngày 28/08/2012, số tiền vay 500.000.000 đồng đúng như đại diện ngân hàng N - chi nhánh thị xã S đã trình bày, mục đích để nuôi tôm hùm, nhưng bị thua lỗ nên từ đó cho đến nay vợ chồng ông C, bà Q không có tiền trả nợ cho Ngân hàng. Khi vay của Ngân hàng vợ chồng ông C, bà Q có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 272m² thuộc thửa số 71 tờ bản đồ số 24-ĐC tọa lạc tại: Thôn P, xã XT, thị xã S, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 769671 do UBND thị xã S cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Q ngày 12/10/2009 và 01 chiếc xe tải thùng kín, nhãn hiệu KIA, số máy: J2539515, số khung RNHKCA252AC059033, biển kiểm soát 78K-8594. Tài sản đảm bảo này tùy Ngân hàng xử lý theo quy định của pháp luật chứ hai vợ chồng ông, bà hiện tại không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Vợ chồng ông, bà đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông, bà mỗi tháng trả 10 triệu đồng đến khi trả hết nợ.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Q vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử đã được tổng đạt hợp lệ cho gia đình, trực tiếp ông Nguyễn Văn C (chồng bà Q) cũng là bị đơn trong vụ án nhận hợp lệ.

Những người tham gia tố tụng. Nguyên, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định.

- Về nội dung: Nguyên, bị đơn đề nghị xác định và thừa nhận ngày 28/8/2012 giữa Ngân hàng N- chi nhánh thị xã S, tỉnh Phú Yên với vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Q có ký kết hợp đồng tín dụng số LAV-201202961 ký ngày 28/08/2012 với số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng; Tài sản thế chấp để bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 272m² đất thuộc thửa số 71 tờ bản đồ số 24-ĐC tọa lạc tại: Thôn P, xã XT, thị xã S, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 769671 do UBND thị xã S cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Q ngày 12/10/2009 theo hợp đồng thế chấp tài sản số LCP 201202013 ngày 28/08/2012; và 01 chiếc xe tải thùng kín, nhãn hiệu KIA, số máy: J2539515, số khung RNHKCA252AC059033, BKS 78K-8594 theo Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản số: 201202013 ký ngày 28/8/2012.

- Sau khi giải ngân vợ chồng ông C, bà Q đã không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng N- Chi nhánh thị xã S theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã tiến hành cơ cấu lại nợ và tạo điều kiện để ông C, bà Q trả nợ, nhưng vợ chồng ông C, bà Q không thực hiện là đã vi phạm không thực hiện đầy đủ và đúng hạn các thoả thuận trong hợp đồng nêu trên. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 471, 474, 476 và 721 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972, trú tại: Thôn P, xã XT, thị xã S, tỉnh Phú Yên được triệu tập hợp lệ (được niêm yết hợp lệ) nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Q.

[2] Về thẩm quyền: Ngân hàng N- khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972. Cùng cư trú tại: Thôn P, xã XT, thị xã S, tỉnh Phú Yên phải trả số nợ gốc, lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[3] Về áp dụng pháp luật: Ngân hàng N– Chi nhánh thị xã S và vợ chồng ông C, bà Q ký kết hợp đồng tín dụng số LAV-201202961 ký ngày 28/08/2012, hợp đồng thế chấp tài sản số LCP 201202013 ngày 28/08/2012 và hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản số: 201202013 ký ngày 28/8/2012, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22/8/2016. Căn cứ vào Điều 688 bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các Điều luật của bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Về Nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Hợp đồng tín dụng số LAV-201202961 ký ngày 28/08/2012 và hai hợp đồng thế chấp kèm theo: hợp đồng thế chấp tài sản số LCP 201202013 ngày 28/08/2012 và hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản số: 201202013 ký ngày 28/8/2012 đều được lập thành văn bản, ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên các hợp đồng là hợp pháp. Ông Nguyễn Văn C tuy không tham gia ký kết Hợp đồng tín dụng nói trên; nhưng ông Nguyễn Văn C có tham gia ký kết tại hợp đồng thế chấp tài sản số LCP 201202013 ngày 28/08/2012 và hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản số: 201202013 ký ngày 28/8/2012 và trong biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải ngày 12/7/2017 ông C thừa nhận khoản vay trên ông C cùng thống nhất với vợ là bà Nguyễn Thị Q vay vốn nhằm mục đích để hai vợ chồng nuôi tôm hùm. Căn cứ vào Điều 342, 343, 361, 362, 471, 474, 476, 715. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Trên cơ sở về việc thoả thuận vay vốn giữa Ngân hàng N– Chi nhánh thị xã S và bà Nguyễn Thị Q đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LAV-201202961 ký ngày 28/08/2012, số tiền vay: 500.000.000 đồng (Đã giải ngân 500.000.000 đồng); thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 14,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay đã thoả thuận, mục đích để nuôi tôm hùm, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22/8/2016. Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông C, bà Q theo hợp đồng đã ký kết theo các giấy nhận nợ cụ thể: ngày 28/8/2012 giải ngân 150.000.000đồng, ngày 03/9/2012 giải ngân 350.000.000 đồng.

Căn cứ vào Điều 474 Bộ luật dân sự 2005. Xét thấy vợ chồng ông C, bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi của bên vay theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng nói trên.

Để đảm bảo thực hiện hợp đồng tín dụng trên Ngân hàng N– Chi nhánh thị xã S và vợ chồng ông C, bà Q đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số LCP 201202013 ngày 28/08/2012; Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 272m² thuộc thửa số 71 tờ bản đồ số 24-ĐC tọa lạc tại: Thôn P, xã XT, thị xã S, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 769671 do UBND thị xã Sông Cầu cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Q ngày 12/10/2009, hình thức sử dụng riêng 272m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 224m², đất trồng cây lâu năm 48m² và Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản số: 201202013 ký ngày 28/8/2012; tài sản bảo lãnh là 01 chiếc xe tải thùng kín, nhãn hiệu KIA, số máy: J2539515, số khung RNHKCA252AC059033, BKS 78K-8594, chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969; địa chỉ tại Thôn P, xã XT, thị xã S, tỉnh Phú Yên

Từ ngày xác lập hợp đồng tín dụng số: LAV-201202961 ký ngày 28/08/2012 đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22/8/2016. Đến nay vợ chồng ông C, bà Q không

thực hiện trả số tiền vốn gốc và số tiền lãi suất theo hợp đồng đã ký kết. Theo quy định tại Điều 342, 344, 351, 355, 361, 362, 363, 369, 715, 721 bộ luật dân sự 2005 thì tài sản thế chấp và tài sản bảo lãnh nói trên sẽ được xử lý để thu hồi số tiền vốn gốc và số tiền lãi suất cho Ngân hàng N- Chi nhánh thị xã S, tỉnh Phú Yên theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N- Chi nhánh thị xã S là có căn cứ để chấp nhận nên buộc vợ chồng ông C, bà Q phải trả cho Ngân hàng N- Chi nhánh thị xã S toàn bộ số tiền vay gốc: 450.000.000 đồng, tiền lãi suất tính đến ngày 17/8/2016 là: 340.617.000 đồng

Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu: Căn cứ vào Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 471, 474, 476 và 721 Bộ luật dân sự 2005, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu: 20.000.000 đồng (đối với số tiền 400.000.000đ) và 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng (là 390.617.000đ x 4%) = 19.530.000đ. Tổng cộng án phí phải chịu là: 20.000.000đ + 19.530.000đ = 39.530.000đ đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 342, 343, 344, Điều 351, Điều 355, Điều 361, Điều 362, Điều 363, Điều 369, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 715, Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị Q phải trả tiền cho Ngân hàng N- Chi nhánh thị xã S, tỉnh Phú Yên theo hợp đồng tín dụng số: LAV-201202961 ký ngày 28/08/2012 gồm: số tiền vay gốc là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền lãi suất tính đến ngày 17/8/2017 là 340.617.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng).

Giao tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 272m² thuộc thửa số 71 tờ bản đồ số 24-ĐC tọa lạc tại: Thôn P, xã XT, thị xã S, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 769671 do UBND thị xã Sông Cầu cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Q ngày 12/10/2009, hình thức sử dụng riêng 272m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn 224m², đất trồng cây lâu năm 48m² theo hợp đồng thế chấp tài sản số LCP 201202013 ngày 28/08/2012 và tài sản bảo lãnh là chiếc xe tải thùng kín, nhãn hiệu KIA, số máy: J2539515, số khung RNHKCA252AC059033, BKS 78K-8594, chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn C,

sinh năm 1969; địa chỉ tại Thôn P, xã XT, thị xã S, tỉnh Phú Yên theo hợp đồng bảo lãnh tài sản số: 201202013 ký ngày 28/8/2012 để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LAV-201202961 ký ngày 28/08/2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà vợ chồng Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Q vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-Về án phí:

Ngân hàng N- Chi nhánh thị xã S, tỉnh Phú Yên không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng N- Chi nhánh thị xã S, tỉnh Phú Yên đã nộp là 17.365.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2015/0006111 ngày 25/04/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Vợ chồng Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Q phải chịu 39.530.000đ (Ba mươi chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng N- Chi nhánh thị xã S, tỉnh Phú Yên, ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bà Nguyễn Thị Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND T.x Sông Cầu, Phú Yên
- Chi cục thi hành án T.x Sông Cầu, Phú Yên
- TAND tỉnh Phú Yên
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Văn Tôn